

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Thanh.

Ông Nguyễn Minh Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; cư trú tại ấp Đ, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T1, sinh năm 1964; cư trú tại ấp Đ, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2018 của bà Nguyễn Thị T và quá trình tố tụng tại Tòa án bà T trình bày: Bà và ông Lê Văn T1 tự nguyện kết hôn vào năm 1981, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối

sống thường xuyên cự cãi nhau, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được và tự sống riêng từ năm 2014, nay bà cương quyết ly hôn với ông T1.

Con chung của bà và ông T1 gồm có 05 người đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu.

Về tài sản bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Lê Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Lê Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt ông T1.

[3] Về hôn nhân: Mặc dù, bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T1 thực hiện việc đăng ký kết hôn vào năm 2010 nhưng mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 được xác lập vào năm 1981 trước thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm xác lập, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau. Ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt điều đó cho thấy ông T1 không có thiện chí để hàn gắn. Thực tế đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống bà T và ông T1 có 5 người con chung hiện tại đều đã trưởng thành và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được khấu trừ phần tạm ứng án phí bà T đã nộp.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử vắng mặt ông Lê Văn T1.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Văn T1.

Về nuôi con chung: Các con đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng , bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005358 ngày 20/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền được khấu trừ.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã V, huyện Ngọc Hiển;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải